TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2024/DS-PT
Ngày 26-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Trung

Ông Bùi Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2022/DS-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2022/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 272/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Ngọc C, sinh năm 1961; địa chỉ: số A, đường N, tổ C, khu C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1948; địa chỉ: số A, đường L, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1988; địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên lạc: số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 29/3/2022), có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thụy Mộng H, sinh năm 1981; địa chỉ: số A, đường L, khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

+ Ông Phạm Quốc H1, sinh năm 1976 và bà Lý Thị Cẩm P, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: số C, khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, ông H1 có mặt, bà P có đơn xin vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1969, địa chỉ: số A, khu B, đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quốc H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Ngọc C trình bày:*

Bà Nguyễn Thị C1 là chủ sử dụng quyền sử dụng diện tích đất 2.702m^2, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603/95-QSDĐ do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/6/1995 (sau đây viết tắt là GCN 603/95).

Bà C1 cho con gái là chị Phạm Thụy Mộng H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để thế chấp vay tiền tại ngân hàng, sau đó bà C1 làm thủ tục tặng cho chị H diện tích 1.000m^2 để chị H chuyển nhượng lấy tiền trả ngân hàng. Ngày 05/3/2018, bà C1 và chị H đến Văn phòng Luật sư Phạm Hữu Tình để lập Văn bản thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất, diện tích 1.000m^2 trong số 2.702m^2 . Ngày 07/3/2018 tại Văn phòng Luật sư Phạm Hữu Tình, chị H làm văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Ngô Ngọc C diện tích tạm tính khoảng 1.000m^2, trong đó có 50m^2 thổ cư, giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng; văn bản chuyển nhượng không được công chứng, chứng thực, chỉ có người làm chứng ký tên. Ngày 09/3/2018, bà C1 ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà C 1.000m^2 đất (trong đó có 50m^2 thổ cư) nêu trên, thỏa thuận giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng; hợp đồng này không được công chứng, chứng thực.Toàn bộ số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất do chị H nhận, cụ thể: Ngày 12/3/2018 Giấy nộp ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam số tiền 2.000.000.000 đồng, số tiền này được tất toán thẻ tiết kiệm 1.250.000.000 đồng + 616.000.000 đồng và 134.000.000 đồng, cộng số tiền ứng nhiều lần đến ngày 23/4/2020 chị H đã nhận đủ số tiền 2.952.000.000 đồng. Bà C khởi kiện yêu cầu bà C1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng đất không thể tách thửa được, nên bà C yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử đất bị vô hiệu, yêu cầu bà C1 trả lại số tiền 2.952.000.000 đồng và yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là tiền lãi của số tiền nêu trên từ ngày 09/3/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

-*Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 trình bày:* Ngày 05/3/2018 bà C1 có ký văn bản thỏa thuận tặng cho chị H (là con gái bà) diện tích đất chiều ngang 20m, chiều dài hết đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603/95 – QSDĐ; văn bản tặng cho quyền sử dụng đất không được công chứng, chứng thực.

Ngày 09/3/2018 bà C1 thoả thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1.000m^2 trong đó có 50m^2 thổ cư (trong tổng diện tích 2.702m^2) theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 603/95 cho bà C. Do lúc này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C1 đang thế chấp ngân hàng, nên không công chứng được. Ngày 10/4/2020 Ủy ban nhân dân thành phố T có Quyết định số 694 thu hồi đất của bà C1 để cấp lại theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của TAND thành phố Thủ Dầu Một về mở lối đi, sau đó bà C1 được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 042497 ngày 29/7/2020. Bà C1 đã thỏa thuận chuyển nhượng 1.000m^2 đất cho ông V và đã nhận tiền đặt cọc. Ông V đi làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Bà C1 đồng ý tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà C vô hiệu; đồng ý trả cho bà C số tiền 2.952.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 09/3/2018 theo yêu cầu của bà C (mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự) đến khi xét xử sơ thẩm.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thụy Mộng H* đã được Toà án cấp sơ thẩm tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Quốc H1, bà Lý Thị Cẩm P trình bày:* Anh H1 là con của bà C1, làm nhà ở trên thửa đất của bà C1 từ năm 1997 đến nay. Bà C1 có trao đổi với các anh em ông về việc chị H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C1 và không có khả năng trả nợ, nên bà C1 phải sang nhượng lại một phần đất cho bà C để thanh toán cho ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh H1 đồng ý việc bà C1 chuyển nhượng đất với điều kiện không làm ảnh hưởng đến các ngôi mộ của thân tộc và căn nhà của vợ chồng anh H1 đang ở. Vì trước đây bà C1 có hứa cho anh 300m^2 đất trong thửa đất bà C1 được cấp giấy chứng nhận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Cẩm P (là vợ anh H1):* bà P thống nhất với ý kiến của anh H1 và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự số 61/2022/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định (tóm tắt) như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C1 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/3/2018 giữa bà Ngô Thị C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C1 bị vô hiệu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị C số tiền gốc là 2.952.000.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C1 thanh toán cho bà Ngô Thị C số tiền lãi là 2.567.413.440 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 7 năm 2022 bị đơn bà Nguyễn Thị C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quốc H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà C2 và bà C1 vô hiệu là có cơ sở. Bà C1 kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên và ghi nhận sự tự nguyện của bà C1 thanh toán số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiền lãi phát sinh là trái ý chí của bà C1, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đối với kháng cáo của ông H1, xét thấy quyền lợi của ông H1 không bị xâm phạm, nên ông H1 kháng cáo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 kháng cáo trong thời hạn luật định; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ, vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thụy Mộng H, bà Lý Thị Cẩm P, ông Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện có ba giao dịch dân sự, một là, ngày 05/3/2018, bà C1 ký văn bản tặng cho chị H diện tích đất chiều ngang 20m x chiều dài hết đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà C1 được cấp (Giấy chứng nhận số 603/95 – QSDĐ do Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/6/1995, sau đây gọi tắt là GCN số 603/95), văn bản này không được công chứng chứng thực; hai là ngày 07/3/2018 tại Văn phòng Luật sư, chị H làm văn bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho bà C diện tích tạm tính khoảng 1.000m^2, giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng; ba là ngày 09/3/2018 bà C1 ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà C 1.000m^2, (trong đó, thổ cư 50m^2) giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng, các diện tích đất này điều thuộc GCN số 603/95. Có căn cứ khẳng định đối tượng (diện tích đất) trong ba giao dịch dân sự nêu trên là một. Bà C1 tặng cho chị H 1.000m^2 đất để chị chuyển nhượng (cho bà C) lấy tiền thanh toán nợ ngân hàng. Do đất chưa được tách sổ sang tên chị H, nên bà C ký hợp đồng chuyển nhượng đất với bà C1.

[3] Xét thấy, các giao dịch dân sự nêu trên đều không được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; nội dung giao dịch không rõ ràng, cụ thể là diện tích đất 1.000m^2 là một phần trong tổng diện tích 2.702m^2 theo GCN số 603/95, nhưng không thể hiện tứ cận khu đất, số thửa, số tờ bản đồ. Mặt khác, diện tích 1.000m^2 các bên thoả thuận chuyển nhượng không tiếp giáp đường đi do Nhà nước quản lý, nên không đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định 12/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương. Vì vậy, các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu ngay từ khi xác lập theo quy định tại các Điều 122, 408 Bộ luật Dân sự, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

[4] Xét nghĩa vụ hoàn trả (thanh toán) tiền cho nguyên đơn: Bị đơn bà C1 kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà thanh toán cho bà C số tiền 2.952.000.000 đồng chuyển nhượng đất và ghi nhận sự tự nguyện của bà thanh toán cho bà C số tiền 2.567.413.440 đồng lãi là không đúng ý chí của bà, vì số tiền 2.952.000.000 đồng bà C giao cho chị H, bà không được nhận số tiền này; việc Toà án cấp sơ thẩm buộc bà thanh toán số tiền nêu trên cho bà C là không đúng. Bà đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử buộc vợ chồng chị H có trách nhiệm thanh toán nợ.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm, ông B là người đại diện hợp pháp của bà C1 xác định bà C1 không tham gia phiên toà sơ thẩm, và ông B cũng không có ý kiến tự nguyện thanh toán tiền lãi cho bà C. Lời khai của ông B phù hợp với biên bản phiên toà sơ thẩm (bút lục 143, 144,145, 146).

[6] Lời khai trong các văn bản chị H gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm, chị H khai khoản tiền chị nhận của bà C nhiều lần, lần đầu vay số tiền 2.600.000.000 đồng để tất toán khoản nợ ngân hàng từ năm 2010, có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C1. Sau đó do gia đình gặp khó khăn, chị H vay thêm của bà C lần thứ hai số tiền 300.000.000 đồng và lần thứ ba vay số tiền 50.000.000 đồng, tổng là 2.950.000.000 đồng, bà C chốt nợ bằng hình thức yêu cầu chị và mẹ chị là bà C1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất (như diễn biến nêu trên). Chị H xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng giữa chị và ông Ngô Tấn T.

[7] Tại biên bản làm việc của Toà án cấp phúc thẩm ngày 09/5/2023 đối với ông Ngô Tấn T. Ông T khai việc chị H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C1 để vay ngân hàng thì ông có biết. Tuy nhiên ông không liên quan khoản tiền này, do chị H tự xử lý.

[8] Đã có căn cứ khẳng định, từ việc bà C1 ký hợp đồng tặng cho chị H quyền sử dụng đất và sau đó tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà C để bảo đảm cho khoản tiền bà C giao cho chị H. Có đủ căn cứ phát sinh nghĩa vụ liên đới giữa bà C1 và chị H theo quy định tại các Điều 275, 288 Bộ luật dân sự.

[9] Xét tiền lãi, về nguyên tắc giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh thay đổi nghĩa vụ dân sự của các chủ thể tham gia giao dịch đó. Mặt khác, giao dịch dân sự trong vụ án này là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, không phát sinh thiệt hại và nghĩa vụ bồi thường, theo quy định của pháp

luật thì các bên có nghĩa vụ hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; không có căn cứ pháp luật để tính tiền lãi. Toà án cấp sơ thẩm buộc bà C1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.952.000.000 đồng là có căn cứ, nhưng không triệt để, bỏ sót nghĩa vụ liên đới của chị H. Riêng việc Toà án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà C1 hỗ trợ cho bà C khoản tiền lãi 2.567.413.440 đồng là không có căn cứ và là một trong những lý do đương sự kháng cáo, cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không khách quan.

[10] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Quốc H1 (con bà C1) kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm không xem xét thụ lý đơn yêu cầu độc lập của anh là không đúng, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Toà án giải quyết trong vụ án này là vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Đất vẫn thuộc quyền sử dụng của bà C1, không ảnh hưởng quyền lợi của anh H1, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh H1.

[11] Trường hợp có chứng cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự có liên quan của vợ chồng chị H và ông Ngô Tấn T với bà C1, do các bên thoả thuận giải quyết; phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết tại vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[12] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy kháng cáo của bà C1 có căn cứ chấp nhận một phần; kháng cáo của anh H1 không có căn cứ chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C1 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Chị H phải chịu ½ án phí trên số tiền phải liên đới với bà C1 trả cho bà C.

[14] Án phí dân sự phúc thẩm: Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, nên bà C1, anh H1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Quốc H1.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2022/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Ngọc C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C1 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/3/2018 giữa nguyên đơn bà Ngô Ngọc C đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C1 bị vô hiệu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thụy Mộng H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Ngô Ngọc C số tiền là 2.952.000.000 đồng (hai tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị C1 được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Chị Phạm Thụy Mộng H phải chịu số tiền 45.520.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả cho bà Ngô Ngọc C số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050776 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Chi phí tố tụng (thẩm định tài sản): Bị đơn bà Nguyễn Thị C1 phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để hoàn trả lại cho bà Ngô Ngọc C.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị C1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T hoàn trả ông Phạm Quốc H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001719 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Minh